

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/01/2022  
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Bà Nguyễn Thị Hoan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc: “*tranh chấp hôn nhân gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Hạ, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

*Bị đơn:* Bà Tống Thị T, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hạ, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

(Ông T và bà T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03/11/2021, trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Trọng T là nguyên đơn trình bày trong các bản tự khai: Ông kết hôn với bà T năm 1971, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong ông và bà T về chung sống tại thôn Hạ, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2000 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2010. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

*Về con chung:* Các con đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác:* Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận, tuổi cao sức yếu, đi lại khó khăn ông xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn là bà Tống Thị T là bị đơn trình bày trong biên bản lấy lời khai: Bà kết hôn với ông T năm 1971, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong bà về làm dâu sinh sống cùng ông T tại thôn Hạ, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do thời gian đã lâu nên bà không giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến khoảng năm 2009 thì ông T đã bỏ ra ở một nhà khác. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà, bà hoàn toàn nhất trí.

*Về con chung:* Các con đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác:* Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận, tuổi cao sức yếu, đi lại khó khăn bà xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 Điều 147, điều 227; Điều 228,

Điều 238; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Cho ông Nguyễn Trọng T được ly hôn với bà Tống Thị T.

*Về án phí:* Ông T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của KSV, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Cả ông T và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về nội dung vụ án:* Ông Nguyễn Trọng T kết hôn với bà Tống Thị T năm 1971, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nên đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Cưới xong ông T và bà T sinh sống cùng nhau tại thôn Hạ, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn tính cách vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng ông T và bà T đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T, bà T cũng hoàn toàn nhất trí. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa ông T và bà T đã không còn, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho ông T được ly hôn với bà T. Xét như vậy là phù hợp với Điều 51; 55 luật hôn nhân và gia đình 2014

[3] *Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Ông Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 Điều 147, điều 227; Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ông Nguyễn Trọng T được ly hôn với bà Tống Thị T.

2. *Về án phí*: Ông Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Toan**